

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.**

- Mã chứng khoán: **TMP.**

- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán (*nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn <https://tmhpp.com.vn/c3/pages-f/Bao-cao-tai-chinh-5-454.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Số: 986/TMP-TCKT

V/v giải trình kết quả kinh doanh
hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (mã CK: TMP) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của Công ty giảm so với năm 2022 (năm 2023: 460,18 tỷ đồng, năm 2022: 580,08 tỷ đồng) nguyên nhân: Doanh thu bán điện - thủy điện trong kỳ giảm do sản lượng điện sản xuất năm 2023 giảm so với năm 2022 (năm 2023: 828,1 triệu kWh, năm 2022: 969,3 triệu kWh).

Trên đây là giải trình kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Non.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu 13468366/67551020-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 15 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.015.614.765.695	1.117.550.368.895
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	78.051.572.515	30.391.831.051
111	1. Tiền		10.051.572.515	6.471.921.951
112	2. Các khoản tương đương tiền		68.000.000.000	23.919.909.100
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		246.500.000.000	752.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11	246.500.000.000	752.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		688.726.138.901	331.536.387.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	636.443.574.342	285.403.741.195
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.135.510.241	1.481.083.272
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	51.147.054.318	44.651.562.967
140	IV. Hàng tồn kho	7	727.990.195	2.650.096.797
141	1. Hàng tồn kho		727.990.195	2.650.096.797
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.609.064.084	972.053.613
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		830.893.134	212.149.349
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	778.170.950	759.904.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.129.570.095.979	1.176.834.143.441
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		854.107.000	854.107.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		854.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		816.545.551.290	868.889.918.514
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	803.872.194.616	856.979.259.820
222	Nguyên giá		3.228.600.055.060	3.189.805.891.112
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.424.727.860.444)	(2.332.826.631.292)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	12.673.356.674	11.910.658.694
228	Nguyên giá		19.157.582.093	17.533.656.248
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.484.225.419)	(5.622.997.554)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	6.944.512.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.944.512.876
250	IV. Đầu tư tài chính		296.178.320.455	285.517.910.209
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	11	145.318.320.455	134.657.910.209
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	150.860.000.000	150.860.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.992.117.234	14.627.694.842
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	12.999.134.454	12.281.467.932
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	770.502.535	813.362.566
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.222.480.245	1.532.864.344
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.145.184.861.674	2.294.384.512.336

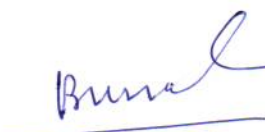
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		558.304.342.133	606.437.297.369
310	I. Nợ ngắn hạn		225.872.102.650	225.759.601.306
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	28.633.101.553	39.553.135.707
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	70.915.301.450	79.039.492.787
314	3. Phải trả người lao động		19.744.541.496	28.605.165.708
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.677.111.112	2.710.671.011
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	15.421.510.849	12.958.445.118
320	6. Vay ngắn hạn	15	57.853.956.580	54.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	30.626.579.610	8.038.734.395
330	II. Nợ dài hạn		332.432.239.483	380.677.696.063
338	1. Vay dài hạn	15	311.873.739.483	359.977.696.063
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		20.558.500.000	20.700.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.586.880.519.541	1.687.947.214.967
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	1.586.880.519.541	1.687.947.214.967
411	1. Vốn cổ phần		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		254.130.345.832	56.454.368.091
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.553.090.628	294.484.564.126
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		589.754.111.331	594.233.893.080
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		62.371.270.570	77.179.829.119
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		527.382.840.761	517.054.063.961
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17.5	39.442.971.750	42.774.389.670
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.145.184.861.674	2.294.384.512.336



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

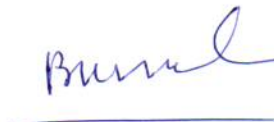
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	854.040.208.371	1.070.306.279.118
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(315.160.811.460)	(333.976.710.677)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		538.879.396.911	736.329.568.441
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	83.450.544.457	50.007.587.157
22	5. Chi phí tài chính	20	(35.254.304.830)	(35.242.089.381)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.254.304.830)	(35.242.089.381)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết		20.660.410.246	20.074.455.753
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(53.666.500.829)	(68.331.303.151)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		554.069.545.955	702.838.218.819
31	9. Thu nhập khác		370.284.815	4.629.857.817
40	10. Lợi nhuận khác		370.284.815	4.629.857.817
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		554.439.830.770	707.468.076.636
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(94.214.282.665)	(127.262.216.237)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.1	(42.860.031)	(130.496.708)
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		460.182.688.074	580.075.363.691
61	15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		454.984.320.354	573.354.063.961
62	16. Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		5.198.367.720	6.721.299.730
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.6	6.500	8.191
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.6	6.500	8.191



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		554.439.830.770	707.468.076.636
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	92.762.457.017	90.703.211.073
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		-	(2.518.473.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(104.110.954.703)	(70.082.042.910)
06	Chi phí lãi vay	20	35.254.304.830	35.242.089.381
07	Điều chỉnh khác		-	2.060.518.420
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		578.345.637.914	762.873.379.100
09	Tăng các khoản phải thu		(347.562.551.521)	(105.259.611.264)
10	Giảm hàng tồn kho		1.232.490.701	307.495.647
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.540.545.198)	4.528.724.051
12	Tăng chi phí trả trước		(1.336.410.307)	(410.137.156)
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.272.399.454)	(35.087.669.045)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(102.382.791.594)	(76.208.084.782)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.036.645.785)	(15.103.378.597)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53.446.784.756	535.640.717.954
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(33.473.576.917)	(19.148.199.807)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(263.500.000.000)	(851.500.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		769.000.000.000	532.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		83.847.937.856	56.819.285.130
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		555.874.360.939	(281.328.914.677)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	10.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(55.103.956.580)	(42.140.467.435)
36	Cổ tức đã trả	17.4	(516.557.447.651)	(272.830.770.565)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(561.661.404.231)	(314.971.238.000)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		47.659.741.464	(60.659.434.723)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		30.391.831.051	91.051.265.774
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	78.051.572.515	30.391.831.051



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 165 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 159).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (2) công ty con và hai (2) công ty liên kết.

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Quyền biểu quyết của Công ty (%)
Công ty con				
(1) Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	99,92	100,00
(2) Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	Gia Lai, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	61,17	61,17
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận, Việt Nam	Kinh doanh phong điện	20,00	20,00
(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Bình Phước, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35,00	35,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN").

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	10 – 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.770.890	1.261.106.498
Tiền gửi ngân hàng	10.049.801.625	5.210.815.453
Các khoản tương đương tiền (*)	68.000.000.000	23.919.909.100
TỔNG CỘNG	78.051.572.515	30.391.831.051

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2%/năm đến 3,4%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	633.073.888.956	282.523.636.853
Phải thu từ các bên khác	3.369.685.386	2.880.104.342
TỔNG CỘNG	636.443.574.342	285.403.741.195

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	34.474.592.805	30.532.186.661
Cổ tức	10.125.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	2.937.951.251	8.182.250.447
Khác	3.609.510.262	5.937.125.859
TỔNG CỘNG	51.147.054.318	44.651.562.967
Trong đó:		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>44.599.592.805</i>	<i>30.532.186.661</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>6.547.461.513</i>	<i>14.119.376.306</i>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	562.671.202	1.437.798.779
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	165.163.793	1.188.668.520
Công cụ, dụng cụ	155.200	23.629.498
TỔNG CỘNG	727.990.195	2.650.096.797

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.737.970.063.928	1.238.672.318.227	182.144.755.204	31.018.753.753	3.189.805.891.112
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.078.622.928	-	-	-	9.078.622.928
Mua trong năm	2.755.979.662	18.199.635.472	2.037.125.578	6.722.800.308	29.715.541.020
Số cuối năm	1.749.804.666.518	1.256.871.953.699	184.181.880.782	37.741.554.061	3.228.600.055.060
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.240.144.967.191	596.538.387.363	110.784.394.255	5.485.812.113	1.952.953.560.922
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.414.976.085.445	778.728.895.812	127.986.882.873	11.134.767.162	2.332.826.631.292
Khấu hao trong năm	24.070.437.270	56.784.266.656	7.180.300.035	3.866.225.191	91.901.229.152
Số cuối năm	1.439.046.522.715	835.513.162.468	135.167.182.908	15.000.992.353	2.424.727.860.444
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	322.993.978.483	459.943.422.415	54.157.872.331	19.883.986.591	856.979.259.820
Số cuối năm	310.758.143.803	421.358.791.231	49.014.697.874	22.740.561.708	803.872.194.616
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15)	75.848.648.865	319.359.109.887	36.370.726.548	13.558.914.888	445.137.400.188

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.325.753.650	1.207.902.598	17.533.656.248
Mua trong năm	-	1.623.925.845	1.623.925.845
Số cuối năm	16.325.753.650	2.831.828.443	19.157.582.093
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	227.480.000	227.480.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	5.299.449.890	323.547.664	5.622.997.554
Hao mòn trong năm	508.473.744	352.754.121	861.227.865
Số cuối năm	5.807.923.634	676.301.785	6.484.225.419
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.026.303.760	884.354.934	11.910.658.694
Số cuối năm	10.517.830.016	2.155.526.658	12.673.356.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	8.922.531.994	6.524.380.627
Tiền thuê đất trả trước	3.124.813.076	3.270.330.788
Khác	951.789.384	2.486.756.517
TỔNG CỘNG	<u>12.999.134.454</u>	<u>12.281.467.932</u>

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 11.1)	<u>246.500.000.000</u>	<u>752.000.000.000</u>
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>246.500.000.000</u>	<u>752.000.000.000</u>
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2)	145.318.320.455	134.657.910.209
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.3)	<u>150.860.000.000</u>	<u>150.860.000.000</u>
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>296.178.320.455</u>	<u>285.517.910.209</u>
TỔNG CỘNG	<u>542.678.320.455</u>	<u>1.037.517.910.209</u>

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,7%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm		Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	20,00	143.880.244.937	20,00	133.257.910.209	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	35,00	1.438.075.518	35,00	1.400.000.000	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
TỔNG CỘNG		145.318.320.455		134.657.910.209	

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

Giá trị đầu tư	Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết				Giá trị còn lại
	Số đầu năm và cuối năm	Cổ tức công bố trong năm	Phân lợi nhuận từ công ty liên kết	Số cuối năm	
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	33.257.910.209 (10.000.000.000)	20.622.334.728	43.880.244.937	133.257.910.209
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	38.075.518	38.075.518	1.400.000.000
TỔNG CỘNG	101.400.000.000	33.257.910.209 (10.000.000.000)	20.660.410.246	43.918.320.455	134.657.910.209

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị khác	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	3,00	149.580.000.000	Quảng Ninh, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	10,00	1.280.000.000	Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh các thiết bị điện
TỔNG CỘNG		<u>150.860.000.000</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	4.339.761.591	5.410.755.888
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (PECC3)	3.730.909.091	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Sản Xuất xây dựng Bình Phước	1.937.689.707	126.676.890
Công ty TNHH Thành Phát	1.037.530.000	4.241.620.333
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Khanh	-	4.211.740.000
Khác	<u>17.587.211.164</u>	<u>25.562.342.596</u>
TỔNG CỘNG	<u>28.633.101.553</u>	<u>39.553.135.707</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	<i>24.084.811.274</i>	<i>38.873.340.816</i>
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>4.548.290.279</i>	<i>679.794.891</i>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.727.995.256	94.214.282.665	102.382.791.594	54.559.486.327
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.824.931.200	29.605.377.816	30.007.021.320	7.423.287.696
Thuế tài nguyên	3.474.334.640	78.784.658.093	78.332.951.123	3.926.041.610
Thuế giá trị gia tăng	4.583.942.665	75.742.779.464	76.444.917.520	3.881.804.609
Thuế khác	<u>(331.615.238)</u>	<u>17.643.726.229</u>	<u>16.965.600.733</u>	<u>346.510.258</u>
TỔNG CỘNG	<u>78.279.588.523</u>	<u>295.990.824.267</u>	<u>304.133.282.290</u>	<u>70.137.130.500</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	<i>(759.904.264)</i>			<i>(778.170.950)</i>
<i>Phải trả</i>	<i>79.039.492.787</i>			<i>70.915.301.450</i>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	13.736.537.711	11.527.592.862
Khác	<u>1.684.973.138</u>	<u>1.430.852.256</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.421.510.849</u>	<u>12.958.445.118</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	54.853.956.580	2.000.000.000	(55.103.956.580)	56.103.956.580	57.853.956.580
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15.2)	54.853.956.580	-	(55.103.956.580)	56.103.956.580	55.853.956.580
Vay ngắn hạn ngắn hạn (Thuyết minh 15.1)	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Dài hạn	359.977.696.063	8.000.000.000	-	(56.103.956.580)	311.873.739.483
Vay ngắn hạn dài hạn (Thuyết minh 15.2)	359.977.696.063	8.000.000.000	-	(56.103.956.580)	311.873.739.483
TỔNG CỘNG	414.831.652.643	10.000.000.000	(55.103.956.580)	-	369.727.696.063

15.1. Vay ngắn hạn

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	2.000.000.000	Ngày 20 tháng 4 năm 2024	7,8	Tin chấp

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.2. Vay dài hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	355.977.696.063	Ngày 19 tháng 10 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ, trị giá 427.569.279.261 VND (Thuyết minh số 8)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	7.750.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,4	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	4.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Dakrosa trị giá 17.568.120.927 VND (Thuyết minh số 8)

TỔNG CỘNG

367.727.696.063

Trong đó:

Vay dài hạn

311.873.739.483

Vay dài hạn đến hạn trả

55.853.956.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	8.038.734.395	2.818.746.492
Trích lập trong năm	42.482.991.000	20.226.516.500
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(19.895.145.785)</u>	<u>(15.006.528.597)</u>
Số cuối năm	<u>30.626.579.610</u>	<u>8.038.734.395</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	365.373.138.490	44.515.062.480	1.401.864.760.276
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	573.354.063.961	6.721.299.730	580.075.363.691
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.530.936.460)	(695.580.040)	(20.226.516.500)
Cổ tức công bố	-	-	-	(266.000.000.000)	(7.766.392.500)	(273.766.392.500)
	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	594.233.893.080	42.774.389.670	1.687.947.214.967
Năm nay						
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	594.233.893.080	42.774.389.670	1.687.947.214.967
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	454.984.320.354	5.198.367.720	460.182.688.074
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-	-
Đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời bằng quỹ đầu tư phát triển (**)	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển (***)	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(41.719.597.860)	(763.393.140)	(42.482.991.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(511.000.000.000)	(7.766.392.500)	(518.766.392.500)
Số cuối năm	700.000.000.000	254.130.345.832	3.553.090.628	589.754.111.331	39.442.971.750	1.586.880.519.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ (trong đó, đã tạm ứng đợt 1 trong năm 2022 là 8%) và trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý và Kiểm soát viên.
- (**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 909/NQ-TMP-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết toán nguồn vốn đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ với tổng quyết toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng là 622.718.428.539 VND, trong đó, từ vốn vay thương mại là 444.972.120.078 VND và từ Quỹ đầu tư phát triển là 177.746.308.461 VND.
- (***) Theo quy định, trình tự, thủ tục hiện hành về thực hiện các dự án đầu tư mua sắm sử dụng Quỹ đầu tư phát triển.

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

	<i>Số đầu năm và cuối năm</i>	
	<i>Giá trị VND</i>	<i>% sở hữu</i>
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45
TỔNG CỘNG	700.000.000.000	100,00

17.3 Cổ phiếu

	<i>Số đầu năm và số cuối năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	
Cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

17.4 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố	511.000.000.000	266.000.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	516.557.447.651	272.830.770.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.774.389.670	44.515.062.480
Lợi nhuận thuần trong năm	5.198.367.720	6.721.299.730
Cổ tức đã công bố	(7.766.392.500)	(7.766.392.500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(763.393.140)	(695.580.040)
Số cuối năm	<u>39.442.971.750</u>	<u>42.774.389.670</u>

17.6 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	454.984.320.354	573.354.063.961
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	454.984.320.354	573.354.063.961
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	70.000.000	70.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.500	8.191
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	6.500	8.191
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	6.500	8.191

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc năm tài chính của báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	838.642.290.880	1.057.988.383.332
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.397.917.491	12.317.895.786
TỔNG CỘNG	<u>854.040.208.371</u>	<u>1.070.306.279.118</u>

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	42.803.544.457	28.227.587.157
Cổ tức được chia	40.647.000.000	21.780.000.000
TỔNG CỘNG	<u>83.450.544.457</u>	<u>50.007.587.157</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	117.806.724.609	132.395.149.830
Chi phí khấu hao	90.049.948.796	90.116.948.935
Chi phí nhân công	40.917.179.601	42.470.044.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.903.422.933	38.401.731.490
Chi phí khác	50.483.535.521	30.592.835.884
TỔNG CỘNG	<u>315.160.811.460</u>	<u>333.976.710.677</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>35.254.304.830</u>	<u>35.242.089.381</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	20.461.258.192	22.858.578.842
Khấu hao và hao mòn	2.712.508.221	2.032.301.852
Thuế, phí và lệ phí	382.002.099	374.839.404
Khác	30.110.732.317	43.065.583.053
TỔNG CỘNG	<u>53.666.500.829</u>	<u>68.331.303.151</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	118.181.726.708	132.769.989.234
Chi phí khấu hao và hao mòn	92.762.457.017	90.703.211.073
Chi phí nhân công	51.236.428.920	65.328.623.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.235.426.990	21.347.655.819
Chi phí nguyên vật liệu	12.054.682.345	13.722.957.831
Chi phí khác	75.356.590.309	78.435.576.491
TỔNG CỘNG	<u>368.827.312.289</u>	<u>402.308.013.828</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Đối với dự án Nhà máy Điện mặt trời, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty mẹ và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	94.140.081.052	126.627.997.157
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	42.860.031	130.496.708
TỔNG CỘNG	<u>94.257.142.696</u>	<u>127.392.712.945</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	554.439.830.770	707.468.076.636
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	110.887.966.154	141.493.615.327
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	971.083.899	522.749.780
Thuế TNDN được miễn	(17.718.969.001)	(15.388.367.950)
Chi phí thuế hoãn lại	42.860.031	130.496.708
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Chi phí thuế TNDN	94.257.142.696	127.392.712.945

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả trước	87.636.677	-	87.636.677	-
Khác	682.865.858	813.362.566	(130.496.708)	(130.496.708)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	770.502.535	813.362.566		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(42.860.031)	(130.496.708)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT ")
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lại Lệ Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Na	Kế toán trưởng
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 ("PECC2")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 ("PECC3")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP.Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	837.961.583.508	1.057.311.833.446
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	217.859.302.000	113.406.212.000
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Chia cổ tức	265.292.950.000	138.097.700.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	40.500.000.000	21.600.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao nhất	Cung cấp dịch vụ	8.348.409.864	7.848.596.933
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ Bán điện	3.939.629.600 324.680.753	4.504.762.640 313.582.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	594.165.802.173	251.545.671.617
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	14.797.815.776	6.810.739.718
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	10.098.878.797	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	9.075.041.683	3.721.983.627
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	4.936.350.527	5.320.693.877
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	5.025.669.217
TỔNG CỘNG			633.073.888.956	282.523.636.853
Phải thu ngắn hạn khác				
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	27.267.692.037	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	10.125.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Chi hộ	7.206.900.768	3.264.494.624
TỔNG CỘNG			44.599.592.805	30.532.186.661
Phải trả người bán ngắn hạn				
PECC3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	3.730.909.091	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	304.583.145	-
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	298.506.655	-
PECC2	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	138.972.373	138.972.373
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	48.195.646	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	27.123.369	76.515.308
Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	368.519.030
Công ty Thí nghiệm Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	95.788.180
TỔNG CỘNG			4.548.290.279	679.794.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

		VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	872.256.000	849.054.000
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	836.482.000	813.187.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT đến ngày 22 tháng 12 năm 2023	93.419.000	11.132.000
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên HĐQT từ ngày 22 tháng 12 năm 2023	19.531.000	-
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 11 năm 2022	-	56.580.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc	743.954.000	724.480.000
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	743.954.000	724.480.000
Thu nhập của Ban kiểm soát		964.288.000	929.062.000
TỔNG CỘNG		4.465.884.000	4.328.775.000

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.711.525.496	3.538.310.846
Trên 1 – 5 năm	14.013.209.012	14.644.080.808
Trên 5 năm	24.931.178.048	21.177.677.491
TỔNG CỘNG	43.655.912.556	39.360.069.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024